

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố một số đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn
Thành phố Hà Nội - Phần xây dựng, lắp đặt**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

Căn cứ Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung thực hiện từ 01/5/2012;

Căn cứ Thông tư 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động trong các công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước do UBND Thành phố Hà Nội quản lý;

Căn cứ Quyết định số **6167** /QĐ-UBND ngày **28**/12/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình đặc thù trên địa bàn Thành phố Hà Nội - Phần xây dựng, lắp đặt;

Theo đề nghị của Liên Sở: Xây dựng - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội tại tờ trình số 8268/TTrLN:XD-TC-LĐTB&XH ngày 04/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố một số đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội - Phần xây dựng, lắp đặt để các tổ chức, cá nhân có liên quan, tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội sử dụng nguồn vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý.

Điều 2. Nội dung cơ bản gồm: Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng; Chi tiết đơn giá; Bảng giá vật liệu đến chân công trình chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; Bảng giá ca máy và nhân công (Chi tiết trong phụ lục kèm theo Quyết định này). Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố; (để
- Bộ Xây dựng; báo cáo)
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CPVP, các phòng CV, TH;
- Lưu: VT, SXD.

130

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

MỘT SỐ ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI - PHẦN XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT

(Kèm theo Quyết định số **6168** /QĐ-UBND ngày **28** /12/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội).

PHẦN I THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn giá công trình xây dựng Thành phố Hà Nội là chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp, bao gồm toàn bộ chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng như 1m³ tường gạch, 1m² sơn bả, 100m² ván khuôn... từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công tác xây dựng (kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thi công xây dựng liên tục, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật).

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định 70/2011/NĐ-CP ngày 22/08/2011 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động tại các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động; Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung thực hiện từ 01/05/2012;
- Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước; Thông tư 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động trong các công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ;
- Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý;
- Quyết định số 5477/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình đặc thù trên địa bàn Thành phố Hà Nội - Phần xây dựng, lắp đặt;
- Bảng giá vật liệu đến chân công trình theo mặt bằng giá quý IV/2012;
- Bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

2. Đơn giá xây dựng công trình gồm các chi phí sau

2.1. Chi phí vật liệu

Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời lẻ, vật liệu luân chuyển cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu tính trong chi phí chung).

Chi phí vật liệu quy định trong tập đơn giá bao gồm chi phí hao hụt vật liệu ở khâu thi công; Riêng đối với các loại cát xây dựng đã tính chi phí hao hụt do độ dôi của cát.

Giá vật liệu xây dựng trong đơn giá tính theo Bảng giá vật liệu đến chân công trình trên địa bàn Hà Nội theo mặt bằng giá quý IV năm 2012 và chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá các loại vật liệu rời sử dụng trong tập đơn giá này là giá vật liệu đến chân công trình tại địa bàn các quận của Thành phố Hà Nội.

2.2. Chi phí nhân công

Chi phí nhân công trong đơn giá bao gồm lương cơ bản, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các chi phí theo chế độ đối với công nhân xây dựng mà có thể khoán trực tiếp cho người lao động để tính cho một ngày công định mức. Theo nguyên tắc này chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình được xác định trên cơ sở sau:

- Mức lương tối thiểu vùng tính trong bảng giá nhân công được tính với mức lương áp dụng trên địa bàn vùng I của Hà Nội là 2.000.000 đồng/1tháng theo Nghị định 70/2011/NĐ-CP ngày 22/08/2011 của Chính phủ.

- Mức lương tối thiểu chung được tính với mức 1.050.000 đồng/1tháng theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

- Hệ số bậc thợ được áp dụng theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước tại bảng A1-thang lương 7 bậc, ngành số 8- Xây dựng cơ bản nhóm I.

- Phụ cấp lưu động được xác định bằng 20% mức lương tối thiểu chung theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Lương phụ xác định bằng 12% lương tối thiểu vùng; lương khoán trực tiếp xác định bằng 4% lương tối thiểu vùng theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II theo quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ (Lương tối thiểu 1.780.000 đồng/tháng) thì chi phí nhân công được điều chỉnh với hệ số: 0,890.

Đối với các công trình được hưởng thêm khoản lương phụ, phụ cấp lương và các chế độ chính sách khác chưa tính trong thành phần đơn giá đã nêu ở trên hoặc phụ cấp lưu động ở mức cao hơn 20% theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BLĐTBXH thì được bổ sung thêm các khoản này vào chi phí nhân công trong bảng tổng hợp giá trị dự toán.

2.3. Chi phí máy thi công

Là chi phí sử dụng các loại máy thi công chính trực tiếp thực hiện (kể cả máy và thiết bị phụ phục vụ thi công) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng.

- Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng được xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ Xây dựng, cụ thể như sau:

a. Đơn giá nhiên liệu, năng lượng (Chưa bao gồm VAT):

- Giá điện (bình quân): 1.369đ/1kWh (Theo Thông tư số 17/2012/TT-BCT ngày 12/4/2012 của Bộ Công Thương).

- Giá dầu Diesel (0,05S): 19.909 đ/lít

- Giá xăng RON 92: 21.136 đ/lít

- Giá dầu mazut 3S: 18.150 đ/kg (trọng lượng kg/lít = 0,87).

(Theo thông báo giá của Tổng Công ty xăng dầu Petrolimex áp dụng từ ngày 11/11/2012)

b. Tiền lương và phụ cấp:

Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy: Là khoản chi phí về tiền lương và các khoản phụ cấp lương tương ứng với cấp bậc của người điều khiển máy theo yêu cầu kỹ thuật, được xác định trên cơ sở thành phần cấp bậc thợ điều khiển máy được quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng và các quy định mới của nhà nước về chính sách tiền lương, các khoản phụ cấp được hưởng trong doanh nghiệp.

Tiền lương thợ điều khiển máy được tính theo nguyên tắc được nêu tại mục 2.2 phần thuyết minh.

c. Tỷ lệ khấu hao:

- Đối với các loại máy, thiết bị thi công xây dựng công trình được xác định là tài sản cố định, tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Đối với các loại máy, thiết bị thi công xây dựng công trình không được xác định là tài sản cố định (không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009), tỷ lệ khấu hao được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng.

d. Đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II theo quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ (Lương tối thiểu 1.780.000 đồng/tháng) thì chi phí máy thi công được điều chỉnh với hệ số: 0,960

3. Kết cấu đơn giá xây dựng

Đơn giá được trình bày theo nhóm, loại công tác và được mã hóa thống nhất. Mỗi đơn giá được trình bày tóm tắt thành phần công việc, điều kiện kỹ thuật, điều kiện và biện pháp thi công, được xác định theo đơn vị tính phù hợp để thực hiện công tác xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Đơn giá được chia làm 03 phần:

Phần I: Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng

Phần II: Chi tiết một số đơn giá xây dựng công trình Thành phố Hà Nội - Phần xây dựng, lắp đặt gồm:

- Công tác xây gạch không nung (Bê tông khí trung áp).
- Láng Granito nền, sàn, cầu thang.
- Làm trần bằng tấm thạch cao có khung xương.
- Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu.
- Công tác lắp đặt đèn ống, đèn tường.
- Công tác thi công ván khuôn móng bằng ván khuôn thép.
- Công tác đào đá bằng máy PC350 1,25M3 cho đá cấp III, cấp IV.
- Công tác sơn nền sàn Epoxy.

Phần III: Bảng giá vật liệu đến chân công trình chưa bao gồm VAT chọn để tính đơn giá xây dựng công trình.

Phần IV: Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình sử dụng xây dựng đơn giá xây dựng công trình.

Mỗi loại đơn giá công tác xây dựng được trình bày tóm tắt thành phần công việc, điều kiện thi công, biện pháp thi công và được xác định theo đơn vị tính phù hợp để thực hiện công tác đó.

- Các thành phần hao phí trong đơn giá được xác định theo nguyên tắc sau:
 - + Hao phí vật liệu chính được xác định trên cơ sở định mức theo quy định Nhà nước và giá vật liệu, vật tư đến chân công trình chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
 - + Hao phí vật liệu phụ khác được tính bằng tỷ lệ % của vật liệu chính.
 - + Hao phí nhân công là hao phí lao động chính và phụ được tính bằng số ngày công và tiền lương một ngày công (bao gồm tiền lương theo cấp bậc thợ và một số phụ cấp khác) theo cấp bậc thợ bình quân của nhân công trực tiếp thi công.
 - + Hao phí máy và thiết bị thi công chính được tính bằng số lượng ca máy sử dụng và giá ca máy và thiết bị thi công của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội công bố. Hao phí máy và thiết bị thi công khác được tính bằng tỷ lệ % của chi phí máy và thiết bị thi công chính.

II. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

1- Một số đơn giá xây dựng công trình do UBND Thành phố Hà Nội công bố là cơ sở để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo lập dự toán công trình xây dựng, giá gói thầu và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng từ 30% vốn nhà nước trở lên do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý theo quy định.

2- Đối với những công tác xây dựng sử dụng loại vật liệu khác với loại vật liệu được chọn để tính trong đơn giá hoặc chưa có trong tập đơn giá này thì Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây lắp căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công, điều kiện thi công và phương pháp xây dựng đơn giá, định mức theo quy định, hướng dẫn của Bộ Xây dựng và quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về quy định một số điều quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình để lập đơn giá làm cơ sở lập dự toán xây dựng công trình.

3- Khi lập dự toán trên cơ sở tập đơn giá này thì tại thời điểm lập dự toán được bổ sung, điều chỉnh các khoản chi phí sau:

- Chi phí vật liệu được tính bổ sung phần chênh lệch giữa giá vật liệu tại thời điểm lập dự toán và giá vật liệu được chọn tính trong tập đơn giá.

- Chi phí nhân công được điều chỉnh bằng cách nhân chi phí nhân công lập theo tập đơn giá này với hệ số điều chỉnh chi phí nhân công (K_{NC}^{DC}) được tính toán theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hoặc do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội công bố có hiệu lực. Hệ số điều chỉnh nhân công được tính trên cơ sở tỉ lệ giữa mức lương tối thiểu chọn để tính chi phí nhân công trong tập đơn giá với mức lương tối thiểu vùng nơi thực hiện dự án, gói thầu đang áp dụng để lập dự toán theo quy định.

- Chi phí máy thi công được điều chỉnh các khoản chi phí sau :

+ Chi phí máy thi công trong dự toán khi điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng theo quy định được xác định bằng cách nhân chi phí máy thi công lập theo tập đơn giá này với hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công (K_{MTC}^{DC}) được tính toán theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hoặc do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội công bố có hiệu lực.

+ Chi phí nhiên liệu được tính bổ sung phần chênh lệch giữa giá nhiên liệu tại thời điểm lập dự toán và giá nhiên liệu được chọn tính trong bảng giá ca máy và thiết bị thi công thành phố Hà Nội do UBND Thành phố công bố.

- Hệ số máy thi công K_{MTC}^{DC} được tính toán như sau :

+ Bước 1: Căn cứ vào dự toán xây dựng công trình tổng hợp các loại máy sử dụng để thi công công trình.

+ Bước 2: Lập bảng tính giá ca máy thi công theo mức lương đang áp dụng tính đơn giá và theo mức lương tối thiểu mới của từng máy và tổng chi phí máy thi công theo hai mức lương trên.

+ Bước 3: Tính hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công của công trình bằng cách lấy tổng chi phí máy thi công theo mức lương mới chia cho tổng chi phí máy thi công theo mức lương chọn để tính đơn giá.

4- Xử lý chuyên tiếp

- Đối với các công trình xây dựng trên địa bàn Hà Nội chưa lập dự toán hoặc đã lập dự toán (đối với các công tác xây dựng công bố trong tập đơn giá này) theo các tập định mức do Bộ Xây dựng công bố kèm theo các văn bản số 1776/BXD-VP, Phần lắp đặt công bố kèm theo văn bản số 1777/BXD-VP ngày 16/08/2007 và Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011, nhưng đến thời điểm tập đơn giá này được công bố có hiệu lực chưa tổ chức mở thầu hoặc chỉ định thầu thì Chủ đầu tư quyết định lập và điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo tập đơn giá này.

- Đối với công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã mở thầu hoặc chỉ định thầu trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiến hành theo dự toán đã được phê duyệt, theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong quá trình sử dụng một số đơn giá xây dựng công trình, nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng Hà Nội để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết./.

Phần II. CHI TIẾT MỘT SỐ ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI - PHẦN XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT

1. XÂY GẠCH KHÔNG NUNG (BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP)

a) Thành phần công việc

Xây gạch không nung (bê tông khí chưng áp) bằng vữa xây chuyên dụng.

- Chuẩn bị dụng cụ thi công dọn dẹp mặt bằng;
- Công tác Vận chuyển (Nhân công, xe nâng đẩy, vận thăng chở vật liệu).
- + Vận chuyển gạch và vữa đến vị trí tập kết.
- + Vận chuyển gạch, vữa lên cao.
- + Vận chuyển gạch, vữa từ vận thăng ra địa điểm thi công
- Công tác xây.
- + Căng dây, khoan râu thép, lắp dựng giàn giáo xây.
- + Trộn vữa.
- + Xây gạch.
- Hoàn thiện dọn dẹp bàn giao mặt bằng.

b) Đơn giá

AE.86200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (20x10x60)cm

Đơn vị tính: Đồng/m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
Xây tường thẳng chiều dày 10 cm						
AE.86210	Xây tường gạch dày 100 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 20x10x60cm) cao ≤4m	m ³	1.352.606	196.799	8.111	1.557.516
AE.86220	Xây tường gạch dày 100 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 20x10x60cm) cao ≤16m	m ³	1.352.606	216.881	19.332	1.588.819
AE.86230	Xây tường gạch dày 100 gạch Không nung Kích thước 600 x200x100 cao ≤50m	m ³	1.352.606	240.978	32.370	1.625.955
AE.86240	Xây tường gạch dày 100 gạch Không nung Bê tông khí chưng áp (Kích thước 20x10x60cm) cao >50 m	m ³	1.352.606	251.019	38.425	1.642.050
Xây tường thẳng chiều dày 20 cm						
AE.86250	Xây tường gạch dày 200 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 20x10x60cm) cao ≤4 m	m ³	1.325.067	170.693	8.111	1.503.871
AE.86260	Xây tường gạch dày 200 gạch Không nung Bê tông khí chưng áp (Kích thước 20x10x60cm) cao ≤16 m	m ³	1.325.067	178.726	19.332	1.523.125
AE.86270	Xây tường gạch dày 200 gạch Không nung Bê tông khí chưng áp (Kích thước 20x10x60cm) cao ≤50 m	m ³	1.325.067	194.791	32.370	1.552.228

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
AE.86280	Xây tường gạch dày 200 gạch Không nung Bê tông khí chưng áp (Kích thước 20x10x60cm) cao >50m	m3	1.325.067	204.832	38.425	1.568.324

AE.86400 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHƯNG ÁP (15x20x60)cm

Đơn vị tính: Đồng/m3

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
Xây tường thẳng chiều dày 150 mm						
AE.86410	Xây tường gạch dày 150 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao ≤4m	m3	1.360.809	184.750	8.111	1.553.670
AE.86420	Xây tường gạch dày 150 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao ≤16m	m3	1.360.809	190.775	19.332	1.570.915
AE.86430	Xây tường gạch dày 150 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao ≤50m	m3	1.360.809	208.848	32.370	1.602.027
AE.86440	Xây tường gạch dày 150 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao >50m	m3	1.360.809	218.889	38.425	1.618.123
Xây tường thẳng chiều dày 200 mm						
AE.86450	Xây tường gạch dày 200 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao ≤4m	m3	1.337.888	158.644	8.111	1.504.643
AE.86460	Xây tường gạch dày 200 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao ≤16m	m3	1.337.888	162.660	19.332	1.519.880
AE.86470	Xây tường gạch dày 200 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao ≤50m	m3	1.337.888	178.726	32.370	1.548.984
AE.86480	Xây tường gạch dày 200 gạch Bê tông khí chưng áp (Kích thước 15x20x60cm) cao >50m	m3	1.337.888	186.758	38.425	1.563.071